

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Sĩ Thanh B, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày: Vào năm 2010 chị và anh Sĩ Thanh B được gia đình hai bên cho phép tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm trong tình cảm hôn nhân và trong cuộc sống hằng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Sĩ Thanh B. Về con chung Sĩ Thanh S, sinh ngày 11-11-2011 sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Sĩ Thanh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Sĩ Thanh B trình bày: Về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, con chung thì anh thống nhất như lời trình bày của chị Lê Thị C. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên anh thống nhất ly hôn với chị Lê Thị C. Về con chung Sĩ Thanh S, sinh ngày 11-11-2011 anh thống nhất theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2019 cháu Sĩ Thanh S trình bày: Cháu là con ruột của ông Sĩ Thanh B và mẹ là bà Lê Thị C. Nay tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn, cháu là con có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Lê Thị C.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Lê Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Sĩ Thanh B; Về con chung Sĩ Thanh S, sinh ngày 11-11-2011 sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Sĩ Thanh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Sĩ Thanh B thống nhất ly hôn với chị Lê Thị C; Về con chung Sĩ Thanh S, sinh ngày 11-11-2011 anh thống nhất theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Sĩ Thanh B có nơi cư trú tại ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị C có nội dung yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Sĩ Thanh B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Sĩ Thanh B có tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị

C và anh B thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống giữa chị C và anh B thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Sĩ Thanh B.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Sĩ Thanh S, sinh ngày 11-11-2011, trong quá trình giải quyết vụ án cháu S có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Lê Thị C nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu S cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị C tự nguyện không yêu cầu anh Sĩ Thanh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị C và anh B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Sĩ Thanh B không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Sĩ Thanh B.

Về con chung: Chị Lê Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Sĩ Thanh S, sinh ngày 11-11-2011 (theo nguyện vọng của cháu S).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Lê Thị C tự nguyện không yêu cầu anh Sĩ Thanh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, gặp gỡ con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C và anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị C và anh B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000224 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Yên